

SỐ 1701

KIM CANG BÁT NHÃ KINH SỞ LUẬN TOẢN YẾU

QUYỂN THƯỢNG

Gương tâm vốn tịnh, hình sắc nguyên không, mộng Thức Vô Sở, Vật cảnh thành có. Do bởi, Hoặc Nghiệp quen tập, báo ứng xoay vòng, trần Sa kiếp Ba, chẳng hề dứt tuyệt. Vì vậy Ta Mãn Tịnh giác giả hiện tướng trong cõi loài người, trước thuyết Nhân duyên sanh diệt, khiến ngộ khổ tập Diệt Đạo, đã trừ Ngã chấp, chưa đạt pháp không, muốn tận gốc bệnh, mới thuyết Bát-nhã: Tâm cảnh đều dứt, tức là Chơn tâm. Như sạch đều mất, tất cả thanh tịnh. Tam Thiên rục rở mười sáu hội, nay sở truyền này, tức phần thứ chín. Câu kệ thì ẩn mật tóm tắt, chỉ thú thì thâm sâu vi tế. Trí Huệ triệt suốt cả Ba không, Bồ Thí bao hàm cả vạn hạnh. Trú mười tám xứ, mật bày giai sai, đoạn hai mươi bảy nghi, ngầm thông huyết mạch. Nếu chẳng trước khiến trừ thì lấy gì kế với Như Như. Tuy thúc dục tu nhưng thủy chung vẫn là Vô Tướng. Do đây Giáo và Lý đều mật, Hạnh và quả đều Huyền, đến nỗi khiến cho miệng tụng lông trâu, tâm thông sừng Lân. Phối vào Danh tướng thì chấp trước sự, sai trái Tông, hoặc chỉ nói Nhất Chơn thì vọng nguồn mà lại mê phá, ngoài ra đều là giải thích cạn cợt, chẳng đáng để bàn vậy! Trần bảo Hằng Sa, thân mệnh ba thời, chỗ dụ chẳng bằng, há uổng vậy ư! Và lại, Thầy Thiên Thân, Thầy Vô Trước là những sư Bồ xứ, tôn hậu học nghi nghi gì, hoặc thêm hoặc bỏ. Vì vậy mà nay chú thích kinh này, chẳng công dị đoạn, số văn luận này, sửa chẳng trong thành”: trước tiên là Toản yếu danh ý và Đề Mục tên kinh, sau đó là giải thích. Chẳng

phiền dự rằng:

*Cúi lạy Mâu Ni Đại Giác Tôn
Năng Khai Bát-nhã tam không cú
Phát khởi lưu thông chư Thượng Sĩ
Ngâm giúp văn này kế quần cơ.*

Giải thích kinh này, trước khi vào văn, nói về nghĩa chung, khai ra bốn đoạn:

1. Nhân duyên giáo khởi.
2. Tông Thể của kinh.
3. Phân biệt xứ hội.
4. Giải thích văn nghĩa.

I. Nhân Duyên Giáo Khởi:

1. *Luận chung chư giáo:* đó là báo đáp Nhân, báo đáp thỉnh mà hiểu tỏ lý để độ chúng sanh. Nếu theo Phật bốn ý thì duy chỉ vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ở thế gian; Muốn khiến chúng sanh khai Phật tri kiến.

2. *Luận riêng kinh này:* Có 5 phần:

a. Vì để đối trị hai chấp, ngã chấp và pháp chấp. Do từ hai chấp này mà khởi Hai chương; phiền não chương và Sở tri chương. Do từ phiền não chương, làm chương ngại tâm, tâm chẳng giải thoát, tạo nghiệp thọ sanh, luân chuyển ngũ đạo. Do Sở tri chương, làm chương ngại Huệ, Huệ chẳng giải thoát. Chẳng liễu tự tâm, chẳng đạt chư pháp tính tướng thì dù có xuất tam giới cũng bị trệ ở Nhị Thừa, chẳng đắc thành Phật, cho nên gọi đó là chương. Hai chấp nếu trừ thì hai chương theo đó mà đoạn. Vì để trừ hai chấp mà thuyết kinh này.

b. Vì để ngăn chặn, đoạn dứt hai mối nghi chủng tử và Hiện hành: Ngăn chặn những mối nghi chưa khởi chủng tử. Đoạn dứt những mối nghi hiện khởi hiện hành, tức là ở trong kinh sau khi đã trả lời xong những điều đã hỏi, liền theo đó từng tiết một mà đoạn nghi, cho đến cuối kinh gồm hai mươi bảy đoạn.

c. Vì để chuyển và diệt hai nghiệp nặng và nhẹ: chuyển nghiệp nặng thành ra thọ (quá) nhẹ, diệt nghiệp nhẹ thành chẳng thọ thành chánh giác, trước kia chưa thuyết Bát-nhã, chúng sanh do vì không có diệt Huệ. Trú tướng mà bố thí, Nhẫn nhục,... đều thành Hữu Lộ, hoặc bị trệ ở Nhị Thừa, vì vậy mà thuyết Bát-nhã hiển thị rõ Diệu huệ, làm Nhân cho pháp Thân. Năm độ kia làm Nhân cho ứng Thân. Nếu không có Bát-nhã thì năm Độ kia chẳng phải là Bà la môn, chẳng gọi là Nhân thành Phật, cho nên cần phải hai nghiêm, phước và Huệ, mới

thànhLưỡng túc tôn vậy!

e. Vì để phát minh hai quả; Chơn thân và ứng thân: Trước khi chưa nghe Ứng Hóa Thân: Trước khi chưa nghe Bát-nhã, chỉ nói rằng Sắc Tướng là Phật, chẳng biết rằng ứng Hóa Thân chỉ là cái bóng của Chơn thân, chẳng như thật thấy Chơn Thân Ứng Thân. Vì vậy mà kinh này phát minh hai quả, khiến biết do từ hai Nhân trước kia mà chứng đắc.

II. Tông Thể Của Kinh

1. *Tông*: Xét chung những lời Phật dạy là lấy Nhân duyên làm Tông. Riêng về kinh này thì Thật Tướng Bát-nhã, Quán chiếu Bát-nhã, bất nhất bất nhị, lấy đó làm Tông, dùng cái Trí của tức lý để quán chiếu chư tướng, giống như Kim Cang đoạn dứt tất cả, cái Lý tức trí ấy là thật tướng, giống như Kim Cang cứng rắn khó hư hoại, trong vạn hạnh mỗi một hạnh, chẳng thể hôn muội điều đó, do vậy hợp chúng lại lấy đó làm Tông kinh.

2. *Thể*: Văn Tự Bát-nhã tức là Thể của kinh. Văn tự thì bao gồm cả thanh (tiếng), danh, cú, văn. Văn tự tính không, tức là Bát-nhã. Vì không có một Thể văn tự riêng biệt cho nên đều bao trùm. Lý vô bất tận, hợp lại làm giáo Thể.

III. Phân Biệt Xứ Hội

1. *Về Xứ và Hội*: Phật thuyết Đại bộ xứ hội sáu trăm quyển văn. Thuyết ở bốn xứ (nơi chốn) mười sáu Hội: Xứ thứ nhất là ở vương xá thành, Linh Thứu Sơn thuyết bảy hội bốn hội thuyết ở giữa núi, ba Hội thuyết ở đỉnh núi. Xứ thứ hai là thuyết ở vườn Cấp Cô Độc, bảy Hội. Xứ thứ ba là thuyết ở Tha Hóa Thiên Cung tại ma Ni Bảo Tràng điện, một Hội xứ thứ tư là thuyết ở Vương Xá Thành, tại vườn Trúc Lâm bên Hồ Bạch Lộ (hồ con cò) một Hội. Kinh này là Xứ thứ hai, Hội thứ chín, quyển thứ năm trăm bảy mươi bảy.

2. *Về truyền dịch*: Kinh quyển này, thời đại mà người dịch trước sau có sáu bản dịch.

1. Hậu Tần, ngài Cưu Ma La Thập.
2. Hậu Ngụy, ngài Bồ-đề Lưu Chi.
3. Trần triều, ngài Chơn Đế.
4. Tùy Triều, ngài Cấp Đa.
5. Đường Sơ, ngài Huyền Trang.
6. Đại Châu, Ngài Nghĩa Tịnh.

Sáu người trên đều là Tam tạng. Nay sở truyền ở đây là của ngài La Thập, Niên hiệu Hoằng Thủy năm thứ tư, dịch ở tại chùa Thảo Đường, trường An. Ở Thiên Trúc, có ngài Vô trước Bồ-tát, nhập vào

Nhật Quang Định, thăng lên cung trời Đâu Suất, gặp Di Lặc truyền thụ tám mươi hàng kệ, rồi đem kệ này chuyển truyền trao cho ngài Thiên Thân, ngài Thiên Thân viết ra thành trường hàng gồm ba quyển luận, dựa theo đoạn nghi chấp để giải thích. Ngài Vô Trước còn viết thêm hai quyển luận, dựa theo Hiển Hành hạn vị để giải thích. Nay ở đây chia kinh chỉ dựa theo giải thích nghĩa của ngài Thiên Thân, tức là kiêm luận cả của ngài Vô trước, thêm vào đó là tìm cầu ở các bản luận khác, chọn lọc sưu tập các chú thích, đề tên luận này là “Toản yếu”.

IV. Giải Thích Văn Nghĩa

1. Giải Thích Tên Kinh: Kim Cang Bát-nhã Ba-La-Mật Kinh

- *Kim Cang*: Tiếng phạn là Bạt Chiết La. Cái chày mà các lực sĩ cầm, là bảo vật đó. Chất cương cứng nhất trong vàng (kim) gọi đó là Kim Cang. Để Thích có bảo vật đó, kể phước mỏng khó mà thấy được nó, cực kỳ kiên cứng, cực kỳ sắc bén, dụ cho Bát-nhã. Không có vật nào làm hư hoại nó, mà nó lại có thể đập tan vạn vật. Kinh Niết-bàn nói: “Thì như Kim Cang, không có vật nào phá hoại nó được, mà nó lại có khả năng đập tan tất cả mọi vật”. Ngài Vô Trước nói rằng: “Kim Cang khó hoại”, lại nói: “Kim Cang năng đoạn”, còn nói: “Kim Cang là tế lao”. Tế (vi tế) là Nhân của trí. Lao (kiên lao) là chẳng hư hoại. Điều lấy sự kiên cứng để dụ cho Thể của Bát-nhã, bén nhọn (lợi) dụ cho Dụng của Bát-nhã. Lại nữa, quyển ký của ngài Chơn Đế nói về sáu loại Kim Cang:

1. Màu xanh da trời, tiêu tai ách, dụ cho Bát-nhã tiêu trừ nghiệp chướng.
2. Màu vàng: tùy theo nhu cầu của con người, dụ cho vô lậu công đức.
3. Màu đỏ: đối trước với mặt trời thì sanh ra ngọn lửa. Huệ đối trước với Bốn giác thì xuất ra ngọn lửa Vô Sanh trí.
4. Màu Trắng: làm trong nước đục, Bát-nhã làm trong sạch những mối nghi trọc đục.
5. Không màu: làm cho người ta đi đứng trong không gian. Huệ phá pháp chấp, trú vào Lý không.
6. Màu ngọc bích (màu xanh lá cây) làm tiêu tan các độc. Huệ trừ ba độc. Kim Cang còn có thể kiêm thêm những tính chất khác, chẳng phải là bốn dụ về kiên cứng bén nhọn.

- *Bát-nhã*: Chánh dịch là Huệ, tức là soi chiếu Ngũ uẩn không. Huệ tương ứng với Bốn giác. Nếu theo người Học từ cạn đến sâu mà nói thì nhiếp chung cả ba Huệ; Văn Huệ, Tư Huệ, Tu Huệ, đó là Bát-nhã.

Ngài Vô trước nói: “Năng Đoạn” là trong Bát-nhã Ba-la-mật, văn tứ tu sở đoạn, cũng giống như Kim Cang đoạn xứ mà đoạn. Lại nói: “Tế là Nhân của Trí”, nhân trí tức là Huệ. Theo Trí Độ Luận: “Nhân vị gọi là Bát-nhã, Quả vị gọi là trí” thì Văn, Tư, Tu đều gọi là tế (nhỏ nhiệm), cái Huệ nhỏ nhiệm là nhân của Phật Trí vậy! Vì Bát-nhã là Năng đoạn cho nên ở tại Nhân Vị, đến Phật quả thì không còn đoạn nữa, cho nên đổi tên gọi là Trí. Nếu theo Đại phẩm kinh (kinh Đại Bát-nhã) thì Bát-nhã thông cả hai nghĩa Trí và Huệ, cho nên Trí và Huệ, về mặt danh nghĩa thì có hơi khác nhau nhưng về mặt Thể tính thì giống nhau.

- *Ba-la-mật*: Tiếng Hán gọi là Bỉ Ngạn Đáo, đúng thì phải gọi là Đáo Bỉ Ngạn. Nghĩa là lia khỏi bờ bên này sinh tử độ qua giữa dòng phiền não, đến bờ bên kia Niết-bàn. “Niết-bàn”, tiếng Hán gọi là Viên tịch, còn gọi là Diệt Độ. Tất cả chúng sanh tức tịch diệt tướng, chẳng còn diệt nữa, chỉ vì mê đọa, vọng thấy sanh tử gọi là đang ở tại bờ bên này, nếu ngộ sanh tử vốn không, nguyên lai vốn viên tịch thì phải nói là Huệ đến bờ bên kia.

- *Kinh*: Tiếng phạn là Tu Đa La, dịch nghĩa là khế kinh. Khế: là thuyên biểu nghĩa lý, khế hợp với lòng người, tức là khế lý khế cơ. Kinh: cuốn Phật Địa Luận nói: Xuyên suốt, thấu tóm, gọi đó là kinh. Vì Phật thánh giáo xuyên suốt những nghĩa lý đã thuyết, nhiếp trì những chúng sanh được giáo hóa, cho nên gọi là Kinh.

2. Giải Thích Văn Kinh:

Theo thường lệ chia ra ba phần:

1. Tự phần.
2. Chánh tông phần.
3. Lưu thông phần.

1. TỰ PHẦN: Gồm hai phần: chứng tín tự và phát khởi tự.

1. Chứng Tín Tự

Như thị ngã văn: nhất thời Phật tại xá vệ quốc kỳ thọ Cấp Cô Độc viên. Dữ đại Tỳ kheo chúng thiên nhị bách ngũ thập nhơn câu.

Giải thích đoạn văn trên, chia ra ba phần:

a. *Nhân kiếp lập*: Khi Phật sắp diệt độ, A Nan thỉnh hỏi bốn sự việc, Phật đáp từng sự việc một: sau khi ta diệt độ:

- Theo bốn niệm xứ mà trú.
- Lấy giới làm thầy.
- Mặc tẩn Tỳ kheo tính xấu.

- Đầu tất cả kinh đều nói rằng: “Như Thị ngã văn, nhất thời Phật tại xứ nào đó, cùng chúng nào đó, bao nhiêu người.

b. Ý kiếp lập: Có ba ý:

- Để đoạn nghi: khi kết tập kinh điển, A Nan thăng tòa, muốn tuyên Phật pháp, cảm được tự thân mình tương tốt như Phật, chúng khởi ba điều nghi: 1. Nghi Phật sống lại thuyết pháp; 2. Nghi Phật ở phương khác đến; 3. Nghi A Nan thành Phật. Vì vậy mà nói những lời như trên thì cả ba điều nghi đều đoạn dứt .

- Để dập tắt tranh cãi: Nếu chẳng nói là nghe từ nơi Phật, mà nói là tự mình chế tác ra thì ắt sẽ khởi tranh luận.

- Để khác với tà: chẳng đồng với đầu kinh của Ngoại Đạo nói rằng “A Ưu...”

c. Giải thích văn nghĩa: Đủ sáu thành tựu, đó là Tín, Văn, Thời, Chủ, Xứ, Chúng. Sáu duyên chẳng đủ, giáo ắt chẳng hưng, cần phải đủ sáu, cho nên gọi là “Thành Tựu”.

- *Tín:* Nếu “Ngã” và “Văn” hợp lại giải thoát thì đó là từ ngữ chỉ về pháp. Pháp như vậy, tôi nghe từ Phật. Giải thích riêng từ “Như Thị”; Trí Độ Luận nói rằng: “Tín nghe từ Phật. Giải thích riêng từ “Như Thị”; Trí Độ Luận nói rằng: “Trí thành tựu”. Biển lớn Phật pháp, tin là năng nhập, Trí là Năng độ. Người tin thì nói rằng sự việc ấy như vậy, người chẳng tin thì nói rằng sự việc ấy chẳng như vậy. Lại nữa, Thánh hơn thuyết pháp chỉ vì để hiển rõ Như, duy chỉ Như là Thị (là đúng, là phải), cho nên xưng là “Như Thị”. Lại nữa, Hữu và Vô chẳng hai khác (Hữu vô bất nhị) là như Như phi hữu phi vô là “Thị”.

- *Văn:* “Ngã” tức là ngũ uẩn giả của A Nan. “Văn”; nghĩa là nhĩ căn phát Thức, bỏ miệng mà theo chung, cho nên nói là “Ngã Văn” A Nan chẳng nghe những hai mươi năm trước. Có người nói: Là Như Lai thuyết lại. Có người nói: A Nan đắc Tam muội thâm sâu mà tổng lãnh nạp. Nếu suy tận bốn gốc mà nói thì A Nan là Đại quyền Bồ-tát, pháp nào chẳng thông.

- *Thời:* Sư tư hợp hội, thuyết nghe xong xuôi, cho nên nói là “Nhất thời” các phương tiện hời gian, dài ngắn khác nhau, nên chỉ nói “Nhất”. Lại nữa, khi thuyết pháp và lãnh pháp, tâm và cảnh man, Lý và trí dung hòa, phàm và Thánh như, Bốn và Thủy hội. Những hai đó đều cùng một thời.

- *Chủ:* Là “Phật”, gọi cho đủ là Phật Đà, tiếng Hán gọi là “Giác”. Khởi Tín (Luận) nói: Cái gọi là Giác, nghĩa là tâm thể ly khỏi Niệm, rời niệm tướng, ngang bằng với Hư không giới, tức là Như Lai bình đẳng pháp Thân, tức lấy vô niệm gọi đó là Phật. Giác có ba nghĩa: 1. Tự giác, Giác tri tự tâm mình vốn vô sanh vô diệt; 2. Giác Tha: Giác hết

thấy pháp đều là Như; 3. Giác Mãn: hai giác trên lý viên tròn, gọi đó là mãn, cho nên biết Hữu niệm chẳng gọi là giác. Khởi Tín luận nói: Tất cả chúng sanh chẳng gọi là Giác. Vì từ vô thủy đến nay niệm niệm liên tục nối nhau chưa từng rời niệm. Lại nói: Nếu có chúng sanh năng quán vô niệm thì đó là hướng đến Phật trí.

- *Xứ*: “Xá vệ”: tiếng Hán gọi là Văn vật, nghĩa là có đầy đủ dục trần, tài bảo, đa văn, giải thoát nổi tiếng các nước. Ngài Nghĩa Tịnh dịch là: Danh Xưng Đại thành. “Kỳ Thọ...”, tức là cây do Kỳ Đà Thái tử thí cho, vườn do Cấp Cô trưởng giả mua. “Kỳ Đà”; tiếng Hán gọi là chiến thắng, là Thái tử của vua Ba Tư Nặc, khi sinh ra thái tử, vua chiến thắng giặc nước ngoài; vì vậy lấy đó mà đặt thì. Tiếng phạn gọi là “Tu Đạt”, tiếng Hán gọi là Thiên Thí, “Cấp Cô Độc” tức là Thiên Thí còn gọi là Thường Hành Thí. Ở Tây quốc gọi chùa (tự) là tăng Già Lam, tiếng Hán gọi là chúng viên (vườn chúng).

- “*Chúng Dữ*”: là cùng, là và. “Đại” là Danh cao đức trước “Tỳ kheo” là tiếng phạn, nó gồm ba nghĩa, vì vậy mà giữ nguyên âm tiếng phạn không dịch. 1. Bố ma; 2. Khất Sĩ; 3. Tịnh giới. “Chúng”; là lý hòa, sự hòa. “Thiên Nhị Bách Ngũ Thập”; Phật sơ thành đạo, độ nhóm Kiều Trần Như năm người, tiếp đó độ ba anh em Ca Diếp, kiêm luôn đồ đệ tổng cộng một ngàn, tiếp nữa độ Xá-lợi-phất, Mục Kiền Liên, kể cả đồ chúng mỗi vị một trăm người. Tiếp nữa độ nhóm con trai của Da Xá Trưởng giả năm mươi người. Không nêu ra con số trên, cho nên bỏ con số lẻ năm người chúng này thường theo Phật, nêu chỉ kê ra con số, chẳng phải không có những chúng khác, phần cuối kinh sẽ hiểu rõ mà thôi. “Câu”; là cùng một thời, cùng một xứ.

2. Phát khởi Tự:

Khất thực oai nghi, rời khỏi Tà mệnh, đó là trì giới. Giới nuôi dưỡng Định, Định phát ra Huệ. Nhờ Giới và Định mà phát khởi Bát-nhã chánh tông. Văn chia ra hai phần:

a. Giới:

Nhĩ thời Thế Tôn thực thời trước y trì bát nhập xá vệ đại thành khất thực, ư kỳ thành trung. Thứ đệ khất dĩ, hoàn chí bốn xứ

Chia ra bảy tiết để giải thích:

1. Hóa Chủ: Thành Thật Luận nói: Đủ chín hiệu trên, được vật khâm trọng, nên gọi là “Thế Tôn”; Trên Trời, nhân gian cùng nhau tôn trọng.

2. Hóa Thời: “Thực Thời” giờ thìn, đúng sơ phần ngày, cầu xin để được, chẳng phiền mình người, xin xong về vườn, vừa đúng giờ Tị, như

thường trai pháp.

3. Hóa Nghi: Mặc áo Tăng Già Lê, ôm bát bốn Thiên vương hiến cúng.

4. Hóa Xứ: Vườn tại đông nam thành, cách thành năm sáu dặm, từ ngoài vào trong là “Nhập”, xứ rộng người nhiều là “Đại”.

5. Hóa Sự: Phật muốn hiển công đức Đầu Đà, để những người nhác nhớm cảm thấy hổ thẹn, dùng phương pháp đồng sự để thâm nhiếp họ, vì vậy mà tự mình khát thực. Anh Lạc Nữ Kinh nói: Thân của Hóa Phật giống như toàn khối Kim Cang, không có hai tạng snah và Thục. Nay những người được khát xin là Lợi ích cho họ, cho nên kinh Tịnh Danh nói: Vì chẳng ăn, cho nên phải nhận thức ăn.

6. Hóa Đẳng:

- Do trong chúng lý bình đẳng, ngoài chẳng thấy tướng nghèo giàu.

- Vì tâm đã lìa khỏi tham và mạn, vì từ bi nên chẳng thiên lệch làm lợi cho riêng ai.

- Bày tỏ oai Đức: chẳng sợ những nhà nuôi voi dữ, quán rượu, nhà chứa.

- Dập tắt những hiềm nghi của phàm phũ.

- Phá sự phân biệt của Nhị Thừa.

7. Hóa Chúng: Nghĩa của chữ “Dĩ” (Xong, rồi) thuộc văn câu dưới liền với câu trên. Nghĩa của chữ “Phạm Thực” thuộc câu trên, văn liền với câu dưới. Nếu mở rộng câu văn để cho câu văn đầy đủ thì nên nói: “Thứ đệ khát thực xong, về đến bốn xứ ăn cơm, ăn cơm xong. Cát y bát”. Phật nếu chẳng ăn thì phước của người cho chẳng đầy. Bảo Vân Kinh nói: Tùy chỗ xin được, chia làm bốn phần:

- Nghĩa để cho người đồng phạm hạnh.

- Nghĩ để cho người nghèo, người bệnh, người ăn xin.

- Những chúng sanh ở dưới nước, ở trên đất liền.

- Tự mình ăn. Kinh Thập Nhị Đầu Đà chỉ nói ba phần, bỏ phần phạm hạnh.

b. Định:

Phạm thực ngật, thu bát, tẩy túc dĩ phô tòa nhi tọa.

Chia ra ba tiết để giải thích:

1. Gộp tư duyên: Sắp muốn nhập định, cần dứt phần duyên, y bát chẳng cất, tâm có nhọc nghĩ, vì vậy mà Phật thị hiện để làm mô phạm cho đời sau.

2. Tịnh Thân nghiệp: Kinh A Hàm nói: Phật đi cách đất bốn ngón

tay, hoa sen đỡ chân. Nay thị hiện “Tẩy” (rửa) là thuận với đời mà biểu tỏ pháp để làm mô phạm cho đời sau.

3. Chánh nhập Định: “Phô Lìa Tọa Nhiều” do nhờ thân ngay ngắn mà tâm chẳng hôn trầm, dao động. Bản đời Ngụy dịch rằng: “Như niệm bất động”, bản đời Đường dịch rằng: “Đoạn thân chánh nguyện, trú đổi diện niệm”. Ngài Vô Trước nói: “Hiển thị duy tịch”, ở Năng giác năng thuyết này, mà Đại Thánh hiện tích, ắt có điều biểu tỏ, biểu tỏ Phật bốn giác ở tại Ngũ uẩn Độ giác ma quân vốn không, gọi là “chiến thắng”, chiếu tâm thức đủ đức, tức là “cấp cô”. Câu pháp nuôi thân, gọi là “Khất sĩ chúng”. Giác tâm đã phát, vứt bỏ trần lao, sắp muốn Biến quán, bèn nhập Thức Tạng, tâm tâm số pháp, thứ đệ tư duy, tức vọng mà Chơn, đề được pháp hỷ, pháp hỷ vô thể, dung hòa giác tâm, tư duy mượn duyên, mất duyên để hợp Chơn Tính, quán chiếu là tích, bỏ tích phản bốn hoàn nguyên, phản bốn hoàn nguyên, pháp không thì tâm tịch, tâm tịch thì Chơn thể Bát-nhã trong sáng, muốn thuyết Bát-nhã chánh tông mà thị hiện phát khởi như vậy. Tư Thánh nói: Thân có hai; Ngụy và Chơn. Thân Ngũ uẩn là ngụy, thể giả. An mặc để nuôi sống. Pháp thân là vô ướng, nhờ Bát-nhã để chiếu thành. Quần sanh ôm ngụy vứt Chơn, chư Phật nuôi Chơn bỏ ngụy. Quần sanh đã mê Chơn mà giữ ngụy, ta lại mượn dẫu ngụy mà dẫn Chơn. Vì vậy mà mượn duyên khất thực, đem ban pháp hỷ để hóa, cho nên kinh Niết-bàn nói: “Tỳ kheo các ông tuy hành khất thực nhưng chưa từng xin món ăn pháp Đại thừa”.

2. CHÁNH TÔNG PHẦN

Chia ra hai phần:

1. Dựa theo bảy loại nghĩa cú của Ngài Vô Trước để giải thích.
2. Dựa theo phần vấn đáp đoạn nghi của ngài Thiên Thân để chia đoạn và giải thích.

1. Bảy nghĩa cú trong phần một là:

- Nghĩa cú thứ nhất: Chủng Tính bất đoạn: nghĩa là hộ niệm phó chúc.
- Nghĩa cú thứ hai: Phát khởi hành tướng: Nghĩa là do từ thỉnh xin, khen ngợi, chấp thuận.
- Nghĩa cú thứ ba: Hành sở trú xứ: nghĩa là mười tám trú, từ Phật chánh thuyết suốt cho đến cuối kinh, đó là sở trú xứ của Vô Tướng hành.
- Nghĩa cú thứ tư: Đối trị nghĩa là mỗi một chỗ trú đều có đủ cả hai loại đối trị, tà hành cộng, kiến chánh hành.
- Nghĩa cú thứ năm: Bất thật do từ đối trị mà lìa hai biên tăng và

giảm, chẳng mất Trung Đạo.

- Nghĩa cú thứ sáu: Địa vị: nghĩa là, do chẳng đánh mất Trung Đạo mà thành Hiền Thánh vị; Tín Hành Đạo, Tịnh tâm Địa, Như Lai Địa.

- Nghĩa cú thứ bảy: Lập Danh: Do từ sáu nghĩa cú trên mà trí Huệ Kiên lợi, vị và Địa rộng hẹp, nên gọi là Kim Cang.

Bốn nghĩa cú sau chỉ nói theo mười tám chỗ trú trong nghĩa cú thứ ba, không có văn kinh riêng biệt.

Mười tám trú xứ là:

1. Phát tâm trú: Kinh nói: “Ứng Như Thị hàng phục kỳ tâm, sở hữu nhất thiết...”

2. Ba-la-mật tương ứng hành Trú: “Bất trú sắc bố thí...”

3. Muốn đắc sắc thân trú: “Khả dĩ thân tướng...”

4. Muốn đắc pháp thân trú: Pháp thân có hai: 1. Pháp Thân thuộc ngôn thuyết, “Phá hữu chúng sanh...” nhân ở lời nói mà hiểu rõ lý; 2. Pháp thân thuộc chứng đắc. Lại có hai thứ: a. Trí Tướng: “Như Lai đắc A Nậu...”; b. Phước tướng: “Nhược nhưn Mãn tam thiên...” kể từ trú này đến trú thứ mười sáu đều như thứ tự đối trị mười hai loại chướng, ý nói muốn cầu sắc Thân và pháp thân thì cần phải lìa khỏi những chướng ấy. Chướng đã hết mới nhập vào trú thứ mười bảy Chứng Đạo trú. Nay đang đối trị là chướng thứ nhất, Mạn chướng.

6. Bất ly Phật thế thời Trú: “Tích tại Nhiên đăng...”; lìa khỏi chướng thứ hai, Thiếu Văn Chướng. Chẳng rời Phật thế thì có đủ Đa Văn.

7. Nguyện Tịnh Phật Thổ Trú: “Bồ-tát trong nghiêm Phật thổ bất?...” lìa khỏi chướng vì tiểu phan duyên tác niệm tu đạo, vì thế với pháp giới.

8. Thành thực chúng sanh trú: “Nhơn thân như Tu Di...”, lìa khỏi chướng xả chúng sanh. Nếu thấy đại hay Tiểu thì chẳng thể cứu vớt vật.

9. Viễn ly tùy thuận ngoại luận trú loạn trú: “Như Hằng Hà Sa trung sở hữu sa...”, lìa khỏi chướng vì vui thích với sách luận của ngoại đạo làm tán loạn. hằng sa trên bảo bố thí chẳng bằng trì kinh. Vì sao người ngoại học chẳng tu chánh pháp?

10. Sắc và chúng sanh trong Đoàn Thủ Thân, quán pha tương ứng hành Trú: từ “Tam Thiên Thế giới sở hữu vi trần...” lìa khỏi chướng do vì phá những hình bóng trong tướng, không có thiện xảo phương tiện. Đã lìa khỏi tán loạn, tương ứng với Định. Do vì vi tế mà chẳng nhớ đến hai loại phương tiện, phá thô đạt vi tế, diệt vi tế đạt đến không, tức trừ tướng tướng của hình bóng.

11. Cúng dường hầu hạ Như Lai trú: “Khả dĩ tam thập tam tướng kiến Bồ-tát bất...”, lìa khỏi chướng phước tư lương chẳng đủ. Chẳng dùng tướng thấy, thường thấy pháp thân, gọi đó là hầu hạ phước vô biên vậy.

12. Lìa xa lợi dưỡng và mệt mỏi nhiệt não mà chẳng khởi tinh tiến và thối thất trú: “hằng Hà sa thân mệnh bố thí...” là lìa chướng lạc vị giải đãi lợi dưỡng. Hằng sa mệnh thí còn kém hơn thọ trì, há lại vì một thân xác mà đắm say dính mắc vào lợi dưỡng, thân mệt mỏi thì tâm phiền nóng mà giải đãi sao?

13. Nhẫn khổ trú: “Nhẫn Ba-la-mật phẩu triệt thân...” là chướng chẳng thể chịu khổ nổi, không có những tướng ngã... thì nhẫn chịu nổi nhiều thứ khổ.

14. Ly tịch tịnh vị trú: “Đương lai chi thế, nhược hữu nhơn năng ư thử kinh thọ trì đọc tụng...” là chướng vì trí tư lương chẳng đủ. Ngày ba thời Xả thân nhiều như Số cát của những sông Hằng cũng chẳng bằng tin kinh, sao lại chỉ chuyên thiền định chìm đắm vào mùi vị tịch tĩnh, thiếu về trí huệ mà chẳng trì chẳng thuyết.

15. Vào khi chứng đạo, viễn ly hỷ động trú: “Vân hà trú, Hàng...” là chướng thứ mười một chướng chẳng tự mình nhiếp:

Ta có thể trú, hàng tâm thì sinh ra vui mừng lay động, lay động thì chẳng thể tự nhiếp.

16. Cần Phật giáo thọ trú: “Ư Nhiên Đăng Phật Sở Hữu pháp đắc Bồ-đề bất...” là chướng thứ mười hai chướng không có giáo thọ. Muốn nhập Sơ Địa thì cần phải Phật giáo thọ (dạy truyền trao). Do vậy nếu dựa theo gặp Phật đắc vô sở đắc mà chứng đạo vậy.

17. Chứng Đạo trú: “Nhơn thân trưởng Đại...” nhiếp chủng Tính Trí, chứng biến hành Chơn Như, thành pháp thân, báo thân cho nên là “Trưởng đại”.

18. Thượng cầu Phật Địa Trú: trong trú này lại có sáu loại cụ túc:

a. Quốc Thổ Tịnh Cụ Túc, “Ngũ đương trang nghiêm Phật thổ...” đây là dạy cho những Đại Bồ-tát nhị đại trở lên.

b. Vô Thượng kiến Trí Tịnh cụ túc; “Hữu nhục nhãn bất?...” từ đây về sau đều duy chỉ Phật quả, cho nên nói là “vô thượng”. “Vô thượng” này thông cả bốn cụ túc sau.

c. Phước tự tại cụ túc; “Nhược NHơn năm Tam Thiên giới thất bảo...”.

d. Thân cụ túc: “Phật khả dĩ cụ túc sắc thân...”

e. Ngũ cụ túc; “Như vật vị Như Lai thuyết pháp ...”.

f. Tâm cụ túc: Phật đắc A Nậu Bồ-đề Vi vô sở đắc Da?... (cho đến)... ứng Như Thị quán”.

Lại nữa, mười tám trú trên tóm lược lại thành tám loại, cũng được đầy đủ:

1. Nhiếp trú xứ, phối với trú thứ nhất.
 2. Ba-la-mật tịnh trú xứ. Phối với trú thứ hai.
 3. Dục trú Xứ: bao gồm trú thứ ba và thứ tư.
 4. Ly chướng Ngại trú Xứ: tức là mười hai chướng trên từ trú thứ năm đến trú thứ mười sáu.
 5. Tịnh tâm trú xứ: phối với trú mười bảy.
 6. Cứu cánh trú xứ: phối với trú mười tám.
 7. Quảng Đại trú xứ: Thâu tóm cả trú mười tám.
 8. Thâm thâm trú xứ: Thâu tóm cả trú mười tám.
- Trong mỗi một trú, đều thâm sâu, đều quảng rộng.

Văn của mười tám trú phối với vị Địa là:

Trú thứ nhất là Thập Trú Vị. Trú thứ hai là sáu vị trước trong Thập hạnh vị. Trú thứ ba là hạnh vị thứ bảy trong thập Hạnh vị trước trong Thập hạnh vị. Trú thứ ba là hạnh vị thứ bảy trong thập Hạnh vị. Trú thứ tư là ba hạnh vị sau của Thập Hạnh vị. Từ trú thứ năm đến trú thứ mười bốn, thứ tự phối với từng Hồi Hương trong Thập Hồi Hương. Trú thứ mười lăm là Noãn vị và Đảnh vị. Trú thứ mười sáu là nHãn Thế Đệ Nhất. Trú thứ mười bảy là Sơ Địa. Trú thứ mười tám là từ Nhị Địa cho đến Phật Địa.

2. *Y theo phần vấn đáp đoạn Nghi của ngài Thiên Thân để phân chia và giải thích.* Chia ra thành bốn đoạn:

1. Thiện Hiện thân thỉnh: gồm hai phần:

a. *Chỉnh Nghi Tán Phật:*

Thời trưởng lão Tu Bồ-đề tại đại chúng trung, tức tông tòa khởi, thiên dẫn hữu kiên, hữu tất trước địa, hợp chưởng cung kính nhi bạch Phật ngôn. Hy hữu thế tôn, như lai thiện hộ niệm chư Bồ-tát. Thiện phó chúc Chư Bồ-tát.

“Trưởng Lão”: Đức cao tuổi lớn. Đường dịch là cụ thọ, thọ tức là Mệnh. Ngụy dịch là Huệ Mệnh, lấy Huệ làm Mệnh.

“Tu Bồ-đề”: Có ba nghĩa dịch: đó là Thiện Cát, Thiện Hiện, Không sinh. Khi sinh ra phòng rỗng không, hiện điềm thiện về giải không. Thầy tướng đoán rằng, duy thiện, duy cát.

“Tông Tòa Khởi...”: đều là những tướng về chỉnh đốn oai nghi, tu

kính.

“Hy Hữu”: (hiếm có) vì trên không có.

“Như Lai”: là từ Như mà đến.

“Tiện Hộ Niệm”: Luận nói; Thiện hộ niệm là dựa theo những Bồ-tát căn thực mà nói, nghĩa là cho Lực Trí Huệ để thành tựu Phật pháp, cho lực giáo hóa để nhiếp thọ chúng sanh.

“Tiên Phó Chúc”; Là nói theo những Bồ-tát căn chưa thành thực, e họ thối mất, phó trao cho người Trí. “Phó” là đem nhỏ giao cho Lớn, “Chúc” là dặn dò lớn giáo hóa nhỏ.

“Bồ-đề Tát Đỏa”: Tiếng Hán gọi là giác Hữu tình. Có ba giải thích:

- Dựa theo cảnh: là sở cầu, sở độ.

- Dựa theo tâm là có trí thuộc giác ngộ, Thức của những tình lự khác.

- Dựa theo Năng Sở. Cả ba đều Như, theo thứ tự phối với Giác và Hữu Tình.

b. Chánh Phát Vân Đoạn:

Thế tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhơn, phát A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề tâm, ưng vân hà trú? Vân hà hàng phục kỳ tâm?

1. Giải thích đương cơ: Kinh Hoa Nghiêm nói: “Quân mát Bồ-đề tâm, tu các nghiệp Thiện, bị ma nhiếp trì.”

A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ-đề: Tiếng Hán là Vô Thượng Chánh Biến Chánh Giác. Nghĩa là Chánh Trí Biến Trí giác tri Chơn và tục, chẳng thiên lệch chẳng tà vạy.

2. Giải thích Chánh Vấn: ngụ dịch là: “Phải làm sao trú, làm sao tu hành, làm sao hàng phục kỳ tâm”. Ý nói nếu người phát Bồ-đề Tâm rồi, trú cảnh giới gì? Tu hạnh nghiệp gì? Vọng tâm nếu khởi thì làm sao hàng phục? Cho nên Phật bảo an trú bốn tâm, tu Lục độ hạnh, trong đó hàng tâm chẳng khiến trước tướng. Tần dịch lược bớt phần tu hành, ý nói rằng trú Đạo hàng tâm tức là tu hành, nghĩa là Bốn âm và Sáu độ đều gọi là Trú, Tu, Hàng phục. Ngài Vô Trước nói rằng: trú, nghĩa là Dục nguyện (mong muốn). Tu Hành, nghĩa là tương ưng đẳng trì. Hàng phục; nghĩa là tâm kia nếu tán thì chế nó khiến trở về trú. Lại nữa, trong mười tám trú, mỗi một Trú đều lấy trú, tu, hàng phục để giải thích, mới biết tuy có ba mà hành thì chỉ là cùng một.

2. Như Lai Tán Hứa

Phật ngôn: thiện tai! Thiện tai! Tu-bồ-đề, như như sở thuyết; Như Lai thiện hộ niệm chư Bồ-tát. Như kim đế thính, đương vi nhũ

thuyết; thiện nam tử, thiện nữ nhơn, phát A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề-tâm, ứng như thị trú, như thị hàng phục kỳ tâm.

Chia ra ba phần:

a. *Ấm tán sở tán:*

Lặp lại hai lần “Thiện Tai”, cực kỳ khen ngợi. Hộ niệm và phó chúc có thể khiến cho hạt giống Phật chẳng bị đoạn dứt, là việc đương nhiên, cho nên ấn chứng lời khen ngợi của Tu Bồ-đề; “như Như Sở Thuyết”.

b. *Bảo nghe hứa thuyết:*

Không có dùng tâm hành sinh diệt mà nghe pháp Thật tướng. Kệ của cuốn Trí luận nói rằng: “Người nghe nhìn sướng như khát nước, một lòng nhập vào trong nghĩa lời, háo hức nghe pháp lòng buồn vui, những người như vậy đáng để thuyết”.

c. *Khuyến nghe sắp thuyết:*

Ta sẽ vì ông, như vậy như vậy, nhỏ nhẹ mà nói.

3. Thiện hiện lắng nghe.

Duy nhiên! Thế tôn! Nguyên lạc dục văn.

“Duy” là từ thuận tòng, thuận theo, vâng theo. Lễ pháp thì Dạ vâng! Tho lỗ thì à ừ! Thập Địa Kinh nói: như khát thì nghĩ đến nước lạnh như đói thì nghĩ đến món ăn ngon, như bệnh thì nghĩ đến thuốc hay, như đám ong nhờ mật, chúng con cũng vậy, nguyên nghe pháp cam lồ.

4. Như Lai Chánh Thuyết. Chia ra hai phần:

a. *Chánh đáp sở vấn:* chia ra hai phần.

- Nêu chung, tách riêng để điệp vấn:

Phật cáo Tu Bồ-đề: chư Bồ-tát ma ha tát ứng như thị hành phục kỳ tâm

Đây là hàng phục làm chung, lấy trú và Tu làm riêng, nghĩa là trong Trú và tu đều có Hàng phục. Vì ý kinh ở tại đây nên chỉ nêu lên hàng phục, có người chia. Đây là nêu phần sau mà nhiếp phần đầu, mới khiến cho văn kinh rất chẳng ổn định sông sề, lý và lệ điên đảo lộn ngược. Xưa nay ngôn giáo chỉ có lấy phần đầu mà nhiếp phần sau, chưa nghe lấy phần sau mà nhiếp phần đầu, hướng nữa xem kỹ văn kinh không có chỗ nào lời riêng về vấn đề hàng phục mới biết Hàng phục nằm ở trong phần Trú và Tu, đều bảo lý tướng là trả lời câu hỏi về hàng phục, chẳng riêng đáp. Tông của kinh này ở Ly Tướng, Ly tướng chính là hàng tâm, vốn ý muốn nói Hàng tâm cần phải dựa theo trú và Tu mà hiển, vì Trú, Tu, Hàng phục vốn chẳng lìa nhau. Mười tám Trú của ngài Vô Trước đều có Trú, tu, hàng tâm.

- Theo riêng hiển chung để trả lời câu hỏi: có hai phần;
- + Đáp câu hỏi về an trú, Hàng tâm: có bốn phần:
 - Quảng Đại tâm.

Sở hữu nhất thiết chúng sanh chi loại; nhược noãn sanh, nhược thai sanh, nhược thấp sanh, nhược hóa sanh, nhược hữu sắc, nhược vô sắc, nhược hữu tướng, nhược vô tướng, nhược phi hữu tướng phi vô tướng.

Có hai cú: Cú thứ nhất là nêu lên Tam giới phổ độ. Cú thứ hai “Nhược Noãn..” liệt kê ra ba: 1) Thọ Sanh sai biệt: Loài Trời và Loài Địa Ngục thì Hóa sanh. Loài ma quỷ thì thông cả thai sanh và Hóa sanh. Loài người và động vật đều thông cả bốn sanh, những loài vi tế khác ở trong nước, trên đất, trong đất, trong không,.. chẳng thể phân chia phẩm loại cho đầy đủ được. Noãn sanh là thấp kém mà lại kê ra đầu tiên, có hai giải thích: a. Vì nếu theo cảnh thì cái đủ duyên nhiều làm đầu; b. Nếu dựa theo tâm thì từ gốc đến ngọn làm thứ tự; 2) Y chỉ sai biệt: Hữu sắc là Tứ Thiên, Vô Sắc là Tứ không; 3) Cảnh giới Sai biệt: Công Đức Thí nói rằng: Hữu tướng thì không xứ và Thúc xứ. Vô tướng thì vô sở hữu xứ. Phi tướng thì Hữu Đảnh.

- Đệ Nhất Tâm

Ngã giai linh nhập vô dư Niết-bàn nhi diệt độ chi.

Tức là Vô trú Xứ Niết-bàn, bất cộng Nhị Thừa, cho nên nói là Đệ nhất. Ngài Vô trước nói: Vì sao lại nguyện (mong) nghĩa bất khả đắc này? Vì Sanh sở nhiếp. Lại nói: Noãn, Thấp, Vô tướng, Hữu Đảnh thì bất năng, làm sao phổ nhập? Có ba nhân duyên: 1. Vì Nạn xứ sanh thì phải đợi thời; 2. Chẳng phải là nạn xứ sanh thì; những hàng chưa thành thực thì thành thực họ; 3. Những người đã thành thực thì giải thoát.

- Thường Tâm

Như thị diệt độ vô lượng vô số vô biên chúng sanh thật vô chúng sanh đắc diệt độ giả.

1). Là vì Tính không; 2) Là vì đồng thể. Luận nói: Tự thân diệt độ, không khác chúng sanh; 3) Là vì bốn tịch; 4) Vì vô niệm; 5) Pháp.

- Bất Đảo Tâm.

Hà dĩ cố, Tu Bồ-đề! Nhược Bồ-tát hữu ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, tức phi Bồ-tát.

Luận nói: Lìa xa những tướng y chỉ vào thân kiến, chúng sanh,... Ngài Vô Trước: vì đã đoạn dứt Ngã kiến, đắc tự hành bình đẳng tướng. Tín giả tự và tha là bình đẳng, hiển thị nhiếp trong Hàng phục tâm, khi tán, chúng sanh tướng cũng chẳng chuyển, như nhĩ Viêm kia.

*b. Đáp câu hỏi về Tu hành, hàng tâm. Có 5 phần:
- Nêu Chung*

Phục thứ, Tu Bồ-đề! Bồ-tát ư pháp ứng vô sở trú hành ư bố thí.

“Ư Pháp”; là nêu chung các pháp. Từ “Ứng Vô...” là chánh tử về tu hành.

Hỏi: Bồ-tát vạn hạnh, sao chỉ nói một hạnh?

Đáp: Vạn hạnh chẳng ngoài lục độ. Lục độ gọi chung là Bố Thí. Cho nên kệ nói: “Đoàn nghĩa nhiếp ư lục, tư sinh vô úy pháp, thử trung Nhất nhị tam, thị danh tu hành trú” (Bố thí nhiếp cả sáu, nuôi dưỡng vô úy pháp, trong ấy một hai ba, gọi là Tu hành trú). Ngài Vô trước nói: Nếu không có tinh tiến thì mệt mỏi, chẳng thể thuyết pháp, nếu không có thiền định thì tham được Tín kính, lợi dưỡng, mà nhiễm tâm thuyết pháp. Nếu không có Trí Huệ thì sẽ thuyết pháp, một cách điên đảo.

- Giải Thích Riêng

Sở vi bất trú sắc bố thí, bất trú thanh hương vị xúc pháp bố thí

Bổn luận chỉ chỉ ra ba sự: đó là Tự Thân, Báo ân, quả báo. Kệ nói: “Tự thân và báo ân, quả báo này chẳng dính hộ tồn mình chẳng thì phòng cầu ở việc khác”.

- Tổng kết:

Tu Bồ-đề! Bồ-tát ứng như thị bố thí, bất trú ư tướng.

Trước chỉ chỉ ra ba sự, nay thì Tâm và Cảnh, không và Hữu, vi tế rỗng sạch. Kệ nói: “Viễn ly thủ tướng tâm”. Luận nói: “Chẳng thấy vật cho, chẳng thấy kẻ nhận, chẳng thấy kẻ cho”. Ngài Vô Trước nói: “Bất trú tướng tướng”. Có người cho rằng đoạn văn kết này là trả lời câu hỏi về Hàng phục. Sai vậy! Trước tiên là nêu ra, tiếp đó là giải thích, tiếp nữa là kết luận, đều nói Vô trú, đều là nghĩa của Hàng phục nằm trong tu hành, sao lại bỗng nhiên cho rằng Văn kết là trả lời câu hỏi riêng khác?

- Hiện Ích

Hà dĩ cố? nhược Bồ-tát bất trú tướng bố thí, kỳ phước đức bất khả tư lượng, Tu Bồ-đề! ư ý vân hà? Đông phương hư không khả tư lượng bất? bất dã! Thế Tôn! Tu Bồ-đề! Nam Tây Bắc Phương, tứ duy Thượng Hạ hư không khả tư lượng bất? bất dã! Thế tôn! Tu Bồ-đề! Bồ-tát vô trú tướng bố thí, phước đức diệc phục như thị, bất khả tư lượng.

Cú đầu là trưng hỏi. Luận nói: nếu lìa khỏi những tướng tướng thí... thành tựu được phước đức bố thí? Từ “Nhược Bồ-tát...” là giải thích. Ở trong này có ba phần; phần đầu là pháp thuyết. Vì nghi là không có phước, cho nên dùng “bất khả tư” để đoạn dứt mối nghi đó.

“Đông phương... là Dụ thuyết: để hiểu có thể biết rồi vậy. “Bồ-tát vô trú tướng...” là pháp hợp. Hư không là vô, nói rằng “giống như Hư không” có ba nhân duyên: 1. Vì Hư không khắp tất cả mọi xứ. Nghĩa là trong trú và bất trú tướng thì phước sinh ra; 2. Là vì Hư không rộng lớn thù thắng; 3. Vô tận, cứu cánh bất tận.

- *Kết Khuyên*

Tu Bồ-đề! Bồ-tát dẫn ứng như sở giáo trú.

LẦN LƯỢT ĐOẠN NGHI

Luận nói: Từ đây về sau là thị hiện đoạn dứt những tâm sanh nghi. Trong đó, văn chia ra hai mươi bảy đoạn.

1. Đoạn mỗi nghi cầu Phật hành thí trú tướng:

Nghi rằng: Vì để cầu Phật quả mà hành bố thí, tức là trú vào tướng “cầu Phật”, thì sao lại là vô trú? Lại nữa, nếu bất trú vào tướng “cầu Phật”, thì sao lại là vô trú? Lại nữa, nếu bất trú tướng làm Nhân thì làm sao cảm được quả thuộc sắc tướng, vì nhân và quả chẳng cùng loại? Đoạn dứt mỗi nghi này, văn có bốn phần:

1. Nêu nguyên nhân khởi nghi để hỏi:

Tu Bồ-đề! U ý Văn hà, khả dĩ thân tướng kiến như lai bất?

Vốn chỉ Nhân vì cho tướng là Phật nên mới khởi mỗi nghi bất trú tướng như trên. Phật nêu ra nguyên nhân khởi nghi, hỏi và đáp, muốn khiến đoạn trừ.

2. Tướng đắc để đáp:

Bất dã! Thế Tôn! bất khả dĩ thân tướng đắc kiến Như Lai.

Vì ngăn ngừa người Nghi, muốn dùng tướng để cầu, khiến cho thấy được Như Lai thân. Cho nên đáp rằng: “Chẳng thể dùng tướng để thấy được”. Luận nói: “Vì để phòng ngừa Tướng kia thành tựu đắc thân Như Lai”.

3. Giải thích Thế khác với Hữu vi.

Hà dĩ cố. Như Lai sở thuyết thân tướng tức phi thân tướng.

Tướng là Hữu vi, sinh, trụ, dị, diệt. Phật thể thì khác với thứ đó, cho nên phi Thân tướng (chẳng phải là thân tướng). Kệ nói: “Tam tướng dị thể cố” (vì ba tướng khác với Thế); Phật thể khác với ba tướng hữu vi. Hai tướng Trụ và Dị cùng là hiện tại, cho nên hợp lại thật một tướng. Nếu chia nhỏ ra thì thật là bốn tướng. Do vậy Duy Thức nói: Sinh là biểu thị cho pháp này trước kia chẳng có. Diệt là biểu thị cho pháp này sẽ là không có. Dị là biểu thị pháp này chẳng đứng yên. Trụ là biểu thị pháp này tạm thời có tác dụng.

4. Ấn Phật thân vô tướng.

Phật cáo Tu Bồ-đề phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng nhược kiến chư tướng phi tướng tức kiến Như Lai.

Chẳng những Phật thân vô tướng, nhưng lại là chỗ y chánh cho tất cả phàm và Thánh. Tướng Hữu vi đều là hư vọng, vì do từ vọng niệm mà biến hiện ra. Vọng niệm vốn không thì chỗ biến hiện làm sao thật! Cho nên khởi Tín nói rằng: “Tất cả cảnh giới chỉ nương vọng niệm mà có sai biệt, nếu lìa tâm niệm thì không có tướng của tất cả cảnh giới. “Nhược kiến chư tướng...” là ngăn chặn lìa sắc mà quán không. Vì e ngại rằng người ta nghe nói tướng là Hư vọng mà riêng cầu Phật thân vô tướng, cho nên nói rằng “tướng tức phi tướng, tức là Như Lai”, chẳng chỉ Phật hóa thân tướng là Như Lai mà tướng của tất cả tướng mà mình đã thấy đều là vô tướng tức là Như Lai. Vì vậy mà khởi tín luận nói rằng: Cái gọi là nghĩa giác; nghĩa là tâm thể ly niệm, ly niệm tướng là đẳng với Hư không giới, tức là Như Lai bình đẳng pháp thân. Triệu nói: “Hành hợp Giải thông tức là thấy Phật”. Kệ nói: “Ly kia là Như Lai”; ly ba tướng kia là pháp thân Như Lai. Ngài Vô trước thì chỉ ly Biến kế với Sắc thân, chẳng chấp sắc tướng tức là Chơn sắc thân, cho nên Luận kia nói rằng: Đây là hiển thị Như Lai sắc thân, lại nữa, đây là trú xứ thứ ba trú xứ muốn đắc sắc thân.

2. Đoạn mối nghi không tin Nhân và Quả đều thâm sâu

Luận nói: Vô trú hành thí Nhân thâm sâu, Vô tướng thấy Phật quả thâm sâu. Vị lai Ác thế ắt sẽ chẳng sanh ra niềm tin uống thuyết vô ích. Phần văn đoạn dứt mối nghi này có bốn phần:

1. Dựa theo không tin để trình mối nghi.

Tu Bồ-đề bạch Phật ngôn: Thế Tôn! phả hữu chúng sanh đắc văn như thị ngôn thuyết chương cú, sinh thật tín bất?

Bản đời Ngụy viết rằng: “Có chúng sanh nào ở đời vị lai...” nay bản dịch này lược bớt câu đó. Ảnh ở tại “sau năm trăm năm). “cú”: là thuyên sai biệt. “chương”: là giải cú. “Thật trí”; Đại phẩm nói: “Chẳng tin tất cả pháp là tin Bát-nhã”.

2. Trách lời nói nghi ngờ để hiển rõ niềm tin.

Phật cáo Tu Bồ-đề mạc tác thị thuyết, Như Lai diệt hậu hậu ngũ bách tuế, hữu trì giới tu phước giả, ư thử chương cú năng sinh tín tâm, dĩ thứ vi thật.

(Phật bảo Tu Bồ-đề: Đừng nói như thế! Sau khi Như Lai diệt, năm trăm năm sau, có người trì giới, tu phước sẽ sinh niềm tin về chương cú này, cho đây là Thật).

“Hậu Ngũ Bách Thế”; kinh Đại Tập nói: Năm trăm năm thứ nhất là giải thoát kiên cố. Năm trăm năm thứ hai là thiên định kiên cố. Thứ ba là Đa văn, thứ tư là chùa tháp, thứ năm là Đấu tránh, đều ví như câu thứ nhất câu thứ hai. Vốn nghi đời ác thế người ta không tin, cho nên nêu ra Ác thế để đoạn mối nghi.

“Trí giới, tu phước”; là giới và định.

“Dĩ thử vi thật”; là chánh giải không có điên đảo.

Ngài Vô trước nói: ba Học; tăng Thượng giới Học, tăng thượng Định học,.. là hiển thị rõ công đức tu hành thiếu dục,.. Giới thì ra khỏi ba Ác Đạo, Định thì ra khỏi lục dục. Huệ thì xuất khỏi tam giới.

3. Nguyên do tin được. Chia ra hai phần:

a. Phụng sự thiện hữu, tích tập nhân tín.

Dương tri thị nhơn bất ư nhất Phật nhị Phật tam tứ ngũ Phật nhi chủng thiện căn. dĩ ư vô lượng thiên vạn Phật sở chủng chư thiện căn, văn thị chương có nãi chí nhất niệm sinh tịnh tín giả.

Ngài Vô Trước nói: Hiển thị tích tập Nhân ở nhiều chỗ Phật. Ý nói rằng làm đời phụng sự bạn lành thì Duyên sẽ tốt đẹp.

“Chủng chư thiện căn”; Ý nói rằng lâu ngày chế phục ba độc thì Nhân tốt đẹp.

b. Được bạn lành nhiếp thu, thành tựu đức tin: chia ra hai phần:

- Nhiếp thọ đắc phước, hiển phước đức Môn:

Tu Bồ-đề! Như lai tất tri tất kiến thị chư sanh đắc như thị vô lượng phước đức.

Ngài Vô Trước nói: nghĩa là ở trong tất cả mọi hành vi đi đứng, việc làm đều biết cái tâm đó, bốn uẩn thấy chúng y chỉ vào Sắc thân, những điều đó rằng được bạn lành nhiếp thu. Luận nói rằng: Nếu chẳng nói “Kiến” (thấy) thì hoặc có người cho rằng Như Lai dùng Tỉ Trí để “Tri” (biết). Nếu chẳng nói “Tri” thì hoặc sẽ có người cho rằng Như Lai dùng mắt thịt (Nhục Nhãn) để “Kiến” (thấy) cho nên cần phải dùng cả hai từ ngữ.

“Đắc phước Đức”; bản Đời Ngụy dịch là “Sinh phước Đức như vậy, thủ phước đức như vậy”. Luận nói: “Sinh” là có khả năng sinh ra nhân. “Thủ” là huân tu quả của tự thể. Ngài Vô Trước nói: “Sinh” là có khả năng Sinh ra Nhân. “Thủ” là huân tu quả của tự thể. Ngài Vô Trước nói: “Sinh” là khi phước đang khởi, đang hiện hành. “thủ” là ngay khi kia diệt, nhiếp trì chủng tử, chữ “Đắc” ở đây là gộp cả hai nghĩa Sinh và Thủ, chẳng lia khỏi “Đắc”. Một chữ “Đắc” bao gồm cả Sinh và thủ.

Nguyên do Nhiếp thọ, hiểu Trí Huệ Môn: Do từ không có hai

chấp mà đặc nhiếp thọ: Văn chia ra hai phần: - Đã đoạn thô chấp.

Hà dĩ cố? Thị chư chúng sanh, vô phục ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, vô pháp tướng diệc vô phi pháp tướng.

Phần đầu là trưng hỏi niềm tin: Vì những nghĩa gì mà được Như Lai thấy biết thấy thấy? Phần sau là giải thích hai nguyên do”

1. Vì không có Ngã chấp. Chấp thủ tự thể là Ngã. Cho rằng Ta (Ngã) triểu chuyển từ cõi này đến cõi khác đó là Nhơn. Cho rằng ta thịnh suy khổ, vui, nhiều thứ biến đổi khác nhau liên tục nối tiếp nhau, đó là chúng sanh, cho rằng ta một báo mệnh căn chằng đoạn mà trụ, đó là thọ giả.

2. Vì không có pháp chấp: Luận nói: “Vô pháp tướng” là Năng thủ và sở thủ nhất thiết pháp đều vô (không có). Diệc vô phi pháp tướng”; là Vô Ngã Chơn không thật hữu. Mà Ly hai chấp, chính là đặc Phật tri kiến, thành tựu cái gốc Tịnh tín, thiện căn phước đức, cả hai cùng kiêm nhau. Luận nói: Có Trí Huệ thì đủ rồi sao lại còn nói thêm công đức trì giới? Vì để thị hiện nghĩa thật tướng sai biệt nên cũng có công đức trì giới. Vì nương theo tín tâm, cung kính thì có thể sanh ra thật tướng. Không chỉ thuyết về Nhân của Bát-nhã.

- Chưa trừ tế chấp.

Hà dĩ cố? thị chư chúng sanh, nhược tâm thủ tướng tác vi trước ngã nhơn chúng sanh thọ giả. nhược thủ pháp tướng tức trước ngã nhơn chúng sanh thọ giả. Hà dĩ cố? Nhược thủ phi pháp tướng tức trước ngã nhơn chúng sanh thọ giả.

Từ “Nhược tâm thủ...” là nói chung về hai tướng, giải thích chung về Thủ pháp và phi pháp, đều gọi là tướng. Vừa lại kiến lập thủ tướng, tức là những tướng Ngã, Nhơn... thì sẽ sinh lập nghĩa tông. Từ “Nhược thủ pháp...” là nói về Hai tướng. Luận nói: Chỉ có vô minh sử, không có hiện hành thô phiền não, thị vô ngã kiến. Ngài Vô trước nói: chỉ thủ pháp và phi pháp tướng chuyển nhau những tướng phi ngã,... để những tướng ngã,... đặt đến y chỉ chằng chuyển. Trong đó có nêu câu hỏi: Thủ pháp chỉ bị pháp tướng. Vì sao lại trước Ngã...? Giải thích rằng: thủ phi pháp còn bị trước ngã, huống nữa là thủ pháp. Dùng câu sau để giải thích câu trước.

4. Huyền môn trung đạo.

Thị cố bất ứng thủ pháp, bất ứng thủ phi pháp. Dĩ thị nghĩa cố Như Lai thường thuyết như đẳng Tỳ kheo tri ngã thuyết pháp như phiệt dụ giả. Pháp thượng ứng xả hà hướng phi pháp.

(Do vậy, chẳng nên thủ pháp, chẳng nên thủ phi pháp. Do vì nghĩa này, Như Lai thường nói: Tỳ kheo các ông, biết ta thuyết pháp như dụ chiếc bè, pháp còn nên xả, huống nữa phi pháp.)

Câu đầu là chánh kết quy về Trung. Câu sau là dẫn lời nói để làm chứng.

“Phiệt Dụ”: (Dụ chiếc bè) mượn lời để hiển nghĩa, chẳng nôm như lời chấp nghĩa. Chẳng chấp tức là chẳng thủ, chẳng phải là hoàn toàn vứt bỏ. Kệ nói: “Kia bất trú tùy thuận, chứng trí ở trong pháp”. Luận giải thích rằng: “Bất trú” là đắc chứng trí. Xả bỏ giáo nếu đã đến bờ kia. “Tùy Thuận” là tùy thuận giáo pháp để chứng trí kia, nếu chưa đến bờ. Ngài Vô Trước nói: “Pháp còn phải xả” là vì Thật tướng đã sạch “Huống nữa phi pháp” là vì lý bất tương ứng.

3. Đoạn mỗi nghi cho rằng Vô tướng thì làm sao thuyết được?

Phần trên đã nói rằng chẳng thể dùng tướng để thấy Phật, Phật chẳng phải Hữu vi thì sao Thích Ca lại đắc A Nậu Bồ-đề? Sao lại thuyết pháp? Văn đoạn chia ra hai phần.

1. *Vấn đáp đoạn nghi.* Có bốn phần.

a. Nêu nhận nghi để hỏi.

Tu Bồ-đề! Ư ý vân hà? Như Lai đắc A nậu đa la tam miệu tam Bồ-đề da? Như Lai hữu sở thuyết pháp da?

Phật hỏi đắc hay không; ý tỏ chẳng đắc. Ngài Vô Trước nói: Hiển thị phiên thủ ở chánh giác.

b. Thuận thật lý để đáp.

Tu Bồ-đề ngôn: như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, vô hữu định pháp danh A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, diệc vô hữu định pháp Như Lai khả thuyết.

Kệ nói: “Ứng hóa phi Chơn Phật, diệc phi thuyết pháp giả” (Ứng Phật và Hóa Phật chẳng phải là Chơn Phật, cũng chẳng phải là bậc thuyết pháp).

c. Giải thích câu nói “Vô định pháp”.

Hà dĩ cố? Như lai sở thuyết pháp giai bất khả thủ, bất khả thuyết, phi pháp, phi phi pháp.

Ngài Vô Trước nói: “Bất khả thủ” là khi đang nghe. “Bất khả thuyết” là khi đang nói: “phi pháp” là vì phân biệt tính. “Phi phi pháp” là vì pháp vô ngã lý. Luận nói: Pháp kia phi pháp, phi phi pháp là nói theo nghĩa của Chơn Như. “Phi pháp”; là vì tất cả pháp không có thể tướng. “Phi phi pháp”, là Chơn Như kia Vô ngã Thật tướng hữ. Vì sao chỉ nói “Thuyết mà chẳng nói “chứng”? có người nói rằng: Vì thuyết

tức thành ngãi chứng. Vì nếu chẳng chứng thì chẳng thể thuyết.

d. Giải thích nguyên do vô thủ vô thuyết.

Sở dĩ giả hà? nhất thiết Hiền Thánh giai dĩ vô vi pháp nhi hữu sai biệt.

Bản dịch đời Ngụy viết: “tất cả Thánh nhân đều nhờ Vô vi pháp mà đắc tên”. Luận ý nói: Thánh nhân chỉ nương Chơn như thanh tịnh mà đắc danh. Vì chẳng phải riêng đắc pháp, cho nên vô thủ, vô thuyết.

“Nhi Hữu Sai biệt” (mà có sai biệt): Luận nói: Chơn Như cụ túc thanh tịnh, (một) phần thanh tịnh. Ngài Vô Trước nói: “Vô vi” nghĩa là vô phân biệt. do vậy mà Bồ-tát Hữu học đắc danh, Như Lai Vô Học đắc danh.

“Sở Vô Vi”; Hiền liễu rõ khi chiết phục tác loạn. “Hậu vô vi” là duy chỉ Đệ Nhất Nghĩa, vô thượng giác. Tam thừa hiền thánh đều tu chứng vô vi, cho nên nói chung đó là sai biệt.

2. So sánh tỏ hơn. Có 4 phần:

a. Nêu kém phước để hỏi.

Tu Bồ-đề, ư ý vân hà, nhược nhưn mã tam thiên đại thiên thế giới nhất bảo dĩ dụng bố thí, thị nhưn sở đắc phước đức ninh vi đa bất?

Kệ của Câu Xá Luận nói rằng: “Bốn đại châu Nhật Nguyệt, Tô Mê Lô Dục Thiên, Phạm Thế mỗi một ngàn, là một Tiểu Thiên giới, ngàn lần Tiểu Thiên này, gọi là một trung Thiên, ngàn trên là Đại thiên, đều đồng một thành hoại”.

“Thất bảo”: Là vòng, bạc, lưu ly, san hô, mã não, Chơn châu đỏ, pha lê.

b. Phước nhiều để đáp.

Tu Bồ-đề ngôn: thậm đa, Thế Tôn! hà dĩ cố, thị phước đức tức phi phước đức tính, thị cố Như Lai thuyết phước đức đa.

Ngài Vô trước nói: “Thị phước Đức”; là nêu lại. “Tức phi”; là dựa theo Thắng Nghĩa không. “Thị cố”; là dựa theo Thế Tục Hữu.

c. Phước kinh vượt trội.

Nhược phục hữu nhưn ư thử kinh trong thọ trì nãi chí tứ cú kệ đẳng, vị tha nhưn thuyết, kỳ phước thắng bỉ.

Kệ nói: “Thọ trì pháp và thuyết, bất không với phước Đức, phước chẳng đến Bồ-đề, hai kia đến Bồ-đề”.

“Tứ cú”; là nghĩa được tỏ rõ ở bốn câu, rút cuộc tức thành bốn câu kệ. Như “Phàm sở hữu tướng tức là hư vọng, nếu thấy chư tướng phi tướng tức thấy Như Lai”, đây là tối diệu nhất. Nhưng nghĩa thấy bốn câu, trì và thuyết thì thú hưởng đến Bồ-đề, văn hoặc tăng hoặc giảm,

bất tất chỉ có bốn chữ, nghĩa nếu thiếu sót thì sẽ thành ra là phỉ báng.

d. Giải thích nguyên nhân vượt trội, có hai phần:

- Chánh giải thích:

Hà dĩ cố, Tu Bồ-đề, nhất thiết chư Phật cập Chư Phật A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề pháp, giai tòng thủ kinh xuất.

“Chư Phật Bồ-đề Pháp”: Luận nói: gọi là pháp thân. Pháp thân với kia, hai thứ này có thể làm Nhân cho liễu.

“Nhất Thiết Chư Phật”; tức là báo thân và Hóa thân. Luận nói: VỚI đây có thể làm Nhân cho Sanh.

- Chuyển giải thích.

Tu Bồ-đề sở vị Phập pháp tức phi Phập pháp.

Trong đệ nhất nghĩa, không có Phật pháp từ kinh này xuất ra.

4. Đoạn mỗi nghi Thanh Văn đắc quả là Thủ.

Luận nói: Phần trên nói rằng Thánh Nhơn vô vi pháp bất khả thuyết bất khả thủ thì vì sao thanh văn lại đều thủ tự quả, như chứng mà thuyết? Văn đoạn trừ mỗi nghi có 4 phần:

1. *Nhập Lưu quả.*

Tu Bồ-đề! ư ý vân hà? Tu Đà Hoàn năng tác thị niệm; ngã đắc Tu Đà Hoàn quả bất? Tu Bồ-đề ngôn: bất dã, Thế Tôn! hà dĩ cố? Tu Đà Hoàn danh vi nhập lưu nhi vô sở nhập. bất nhập sắc thanh hương vị xúc pháp. thị danh Tu Đà Hoàn.

Tu Đà Hoàn: Tiếng Hán gọi là Nhập Lưu, nhập vào dòng Thánh nhân. Còn gọi là Dự Lưu, dự dòng Thánh Nhân. Chỉ do chẳng nhập vào lục trần, gọi là nhập Thánh lưu. Không phải là riêng có chỗ nhập. Luận nói: Thánh nhân đắc quả, chẳng thủ một pháp, chẳng thủ cảnh giới lục trần, cho nên gọi là Nghịch lưu, cho đến La Hán chẳng thủ một pháp, do vì nghĩa ấy, gọi danh là A La Hán, nhưng chẳng phải bất thủ vô vi tự quả, chỉ ngay khi chứng, lìa thủ Ngã,... phiền não, do đó không có tâm như thế này “Ta đắc được quả”.

Nếu khởi tâm như vậy “ta đắc quả” thì tức trước Ngã,... cho nên biết đắc quả nghĩa là nắm thủ thì đâu thể nghi rằng là Thủ.

2. *Nhất Lai Quả.*

Tu Bồ-đề! ư ý vân hà. Tư Đà Hàm năng tác thị niệm ngã đắc Tư Đà Hàm quả bất? Tu Bồ-đề ngôn: bất dã! Thế tôn! hà dĩ cố? Tư Đà Hàm danh nhất văn lai nhi thật vô văn lai, thị danh Tư Đà Hàm.

Tư Đà Hàm: tiếng Hán gọi là Nhất Lai, Đoạn dứt sáu phẩm Tu Hoặc thuộc Dục giới, từ đó mệnh chung, một lần sanh lên trời, một lần sinh đến Nhơn gian, bèn đắc A La Hán quả. Cho nên gọi là Nhất Lai mà

thật Vô Lai, đã ngộ vô ngã thì vẫn lai.

3. *Bất Lai Quả.*

Tu Bồ-đề. ư ý vân hà A Na Hàm năng tác thị niệm ngã đắc A Na Hàm quả bất? Tu Bồ-đề ngôn: bất dã. Thế Tôn! hà dĩ cố? A Na Hàm danh vi bất lai nhi thật vô bất lai. thị cố danh A Na Hàm

“A Na Hàm”: Tiếng Hán gọi là Bất Lai. Còn gọi là Bất Hoàn. Đoạn hết chín phẩm Tu Hoặc của Dục Giới. Mệnh chung vẫn sanh lên trời chẳng trở về lại lạ giới, cho nên gọi là Bất Lai, nhưng thật không có nghĩa Bất Lai, giống như giải thích trên.

4. *Bất Sanh Quả: (A La Hán)*

A La Hán: ở đây thích nghĩa có ba nghĩa: 1. Vô tặc (không còn giặc) Tam giới kiêu tu, phiền não hết tận; 2. Bất Sanh; chẳng thọ nhận Hậu Hữu (Hữu Sau, tức là thân xác kiếp sau) nữa; 3. Ứng Cúng; đáng được thọ nhận sự cúng dường to lớn của người và trời.

Văn chia ra ba phần:

a. Nêu sở đắc để hỏi.

Tu Bồ-đề! ư ý vân hà, A La Hán năng tác thị niệm, ngã đắc A La Hán đạo bất?

b. Tỏ vô thủ để đáp.

Tu Bồ-đề ngôn: bất dã, Thế Tôn! hà dĩ cố? thật vô hữu pháp A La Hán, Thế Tôn! Nhược A La Hán tác thị niệm: ngã đắc A La Hán đạo, tức vi trước ngã nhưn chúng sanh thọ giả.

(Tu Bồ-đề nói: không ạ, Thế Tôn! Vì sao? Thật không có pháp gọi là A La Hán. Thế Tôn! Nếu A La Hán nghĩ thế này; “Ta đắc A La Hán Đạo”, tức bị trước Ngã, Nhơn, chúng sanh, Thọ giả).

c. Dẫn cái chứng của mình khiến tin: có ba phần:

- *Phật trước kia đã nói ẩn chứng.*

Thế tôn! Phật thuyết ngã đắc vô tránh Tam muội. nhưn trung tối vi đệ nhất, thị đệ nhất ly dục A La Hán.

(Thế Tôn! Phật nói con Đắc Vô Tránh tam muội, là đệ nhất trong loài người, là đệ nhất Ly Dục A La Hán).

“Vô Tránh”; chẳng nào chúng sanh, có khả năng khiến cho chúng sanh chẳng khởi phiền não, cho nên Phật khen ngợi. Trong mười đệ tử, Thiện Hiện là người ly dục đệ nhất. Tam giới phiền não, chỉ có tâm tham, đều gọi là Dục, chẳng phải chỉ ở Dục giới mới gọi là Dục.

- *Tỏ rằng mình chẳng thủ.*

Ngã bất tác thị niệm, “Ngã thị ly dục A La Hán”.

- *Giải thích ý Phật.*

Thế Tôn! Ngã nhược tác thị niệm: “Ngã đắc A La Hán đạo”. Thế Tôn tắc bất thuyết “Tu Bồ-đề thị lạc A Lan Na Hạnh giả”. dĩ Tu Bồ-đề thật vô sở hạnh nhi danh Tu Bồ-đề thị lạc A Lan Na Hạnh giả.

Luận nói: ly hai loại chương: 1. Phiền não chương; nhờ đắc A La Hán, cho nên ly; 2. Tam muội chương; nhờ đắc Vô Trách mà ly. Vì ly cho nên vô sở hành.

“A Lan Nhã”: Đây gọi là Tịch Tĩnh.

5. Đoạn mối nghi, Thích Ca ở Nhiên Đăng thủ thuyết.

Luận nói: Thích Ca xưa kia thọ nhận pháp ở nơi Nhiên Đăng Phật. Phật thuyết pháp cho Phật này thì sao lại nói là bất khả thủ, bất khả thuyết.

Phật CÁO TU BỒ-đề: Ư Ý VÂN HÀ, NHƯ LAI TÍCH TẠI NHIÊN ĐĂNG Phật SỞ, Ư PHÁP HỮU SỞ ĐẮC BẤT? BẤT DẢ, THẾ TÔN! NHƯ LAI TẠI NHIÊN ĐĂNG Phật SỞ Ư PHÁP THẬT VÔ SỞ ĐẮC.

“Ư pháp thật vô sở đắc”; Nhiên Đăng Phật thuyết nói, thuyết nói là ngữ ngôn lời nói, Thích Ca Nghe chỉ là nghe ngữ ngôn lời nói, lời nói thì chẳng phải là Thật trí chứng pháp. Luận nói: Thích Ca ở chỗ Nhiên Đăng, ngôn ngữ nói ra, chẳng thủ chứng pháp, do vì nghĩa ấy, mà nói rõ ràng, chứng Trí kia chẳng thể nói, chẳng thể thủ.

6. Đoạn mối Nghi: Nhiên Thổ Trái Với Bất Thủ.

Luận nói: Nếu pháp bất khả thủ thì sao chư Bồ-tát lại thủ trang nghiêm Tịnh Thổ? Sao lại tự mình thọ nhận thân pháp vương?

Đoạn dứt mối nghi trên, văn có ba phần:

1. *Nêu thủ tướng trang nghiêm để hỏi:*

Tu Bồ-đề! Ư ý vân hà. Bồ-tát trang nghiêm Phật thổ bất?

Ý Phật muốn nói về pháp Tính Chơn Thế, cho nên hỏi thủ hay không thủ trang nghiêm Thổ thuộc về hình tướng?

2. *Giải thích ly tướng trang nghiêm để đáp.*

Bất dả, Thế Tôn! hà dĩ cố? Trang nghiêm Phật thổ giả tức phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm.

Kệ rằng: “Trí tập, Duy Thức thông, Như Thị thủ Tịnh Thổ, phi hình đệ nhất thể, phi nghiêm, trang nghiêm ý”. (Trí tập thì Duy Thức thông, như vậy mà thủ Tịnh Thổ, chẳng hình là đệ nhất Thế, chẳng nghiêm là trang nghiêm ý) luận giải thích câu kệ trên rằng: Chư Phật không có sự việc trang nghiêm quốc thổ, duy chỉ Trí Huệ Chơn thật tu tập thì thức mới thông đạt. Vì vậy mà bất khả thủ.

Trang nghiêm có hai: 1. Hình tướng; 2. Đệ nhất nghĩa tướng “Phi nghiêm”: là vì không có hình tướng.

“Trang nghiêm ý”; tức là đệ nhất trang nghiêm, nhờ tất cả mọi công đức mà thành tựu trang nghiêm.

3. *Khuyên nương theo tịnh tâm trang nghiêm.*

Thị cố Tu Bồ-đề! Chư Bồ-tát Ma Ha Tát ứng như thị sanh thanh tịnh tâm, bất ứng trú sắc sanh tâm, bất ứng trú thanh hương vị xúc pháp sanh tâm, ứng vô sở trú nhi sanh kỳ tâm.

Luận nói: Nếu người phân biệt Phật thổ, là Hữu vi Hình tướng mà nói rằng “Ta đã thành tựu” thì người đó trú ở trong những cảnh sắc,... để ngăn chặn điều đó mà nói rằng “Nên như vậy sanh thanh tịnh tâm, chẳng nên trú sắc,... mà sanh kỳ tâm” tức là chánh trí, đó là Chơn tâm, nếu đều vô tâm thì sẽ là đồng với không kiến.

7. Đoạn mỗi Nghi: thọ nhân được Báo Thân, tức là có thủ, Ý nghi như trên. Văn đoạn có hai phần:

1. *Hỏi đáp đoạn nghi.*

Tu Bồ-đề thí như hữu thân như Tu Di Sơn Vương, ư ý vân hà, thị thân vi đại bất? Tu Bồ-đề ngôn: thậm đại, Thế Tôn! hà dĩ cố? Phật thuyết phi thân, thị danh đại thân.

Luận nói: Như Tu Di Sơn Vương, thế lực cao xa gọi danh là Đại, mà chẳng thủ “Ta là Sơn vương”. Vì bởi vô phân biệt. báo Phật cũng như vậy, vì đặc cái Thế pháp vương vô thượng nên gọi danh là Đại, nhưng chẳng thủ “Ta là pháp vương”, bởi vì không có phân biệt, cho nên kệ rằng: “Như Sơn Vương vô thủ, Thọ Báo cũng như vậy”.

“Phi Thân, Danh thân”; chẳng phải là Thân Hữu lậu hữu vi, là Thân vô lậu vô vi. Cho nên kệ nói: “Viễn ly ở chư lậu, và các Hữu vi pháp”. Luận nói: Nếu như vậy thì không có vật, nếu như vậy thì danh có vật, vì bởi duy chỉ có thanh tịnh thân, vì bởi viễn ly Hữu vi pháp, do vì nghĩa đó, thật có Ngã Thế. Vì chẳng y tha duyên mà trú.

2. *So sánh tỏ rõ hơn hẳn, có hai phần:*

a. Dựa theo ngoại tài so sánh tỏ rõ rằng kinh hơn hẳn. Có 2 phần:

- *So sánh hơn kém:* Có ba phần:

+ Dùng nhiều con sông để biện về số cát.

Tu Bồ-đề! Như hằng hà trong sở hữu sa số, như thị sa đẳng hằng hà, ư ý vân hà? Thị chư hằng hà sa ninh vi đa bất? Tu Bồ-đề ngôn: thậm đa. Thế Tôn! Đản chư hằng hà thương đa vô số, hà huống kỳ sa.

“Hằng hà”; Sông Hằng, chảy ra từ mặt đông Hồ A Nậu, diện tích bốn mươi dặm, cát mịn như bột, cát vàng cuộn cuộn. Phật đa phần ở gần vùng đó thuyết pháp, cho nên lấy nó làm dụ.

+ Lấy nhiều cát để tỏ về phước.

Tu Bồ-đề! ngã kim thật ngôn cáo nhũ: nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhơn, dĩ thất bảo mãn nhĩ sở hằng sa hà số tam thiên đại thiên thế giới, dĩ dụng bố thí, đắc phước đa bất? tu Bồ-đề ngôn! thâm đa, Thế Tôn!

Luận nói: Phần trên đã nói dụ, sao lại còn nói? Kệ rằng: “Nói nhiều nghĩa khác nhau, cũng thành so sánh hơn, phước sau hơn phước trước, nên lại nói thẳng dụ”. Vì sao chẳng nói dụ này trước? Vì để dần dần giáo hóa chúng sanh, khiến cho chúng sanh tin vào nghĩa thượng diệu. Lại nữa, vì trước chưa nói rõ dùng những công đức gì để đắc Bồ-đề.

+ Dựa theo nhiều phước để tỏ rõ sự hơn hẳn.

Phật cáo tu Bồ-đề: nhược thiện nam tử thiện nữ nhơn, ư thử kinh tung, nãi chí thọ trì tứ cú kệ đẳng. vị tha nhơn thuyết nhĩ thử phước đức thắng tiền phước đức.

Bố thí thì cảm ứng sinh tử, kinh kệ thì hướng đến Bồ-đề, đại ý giống như trên.

- Giải thích nguyên do hơn. Có năm phần:

+ Tôn xứ, khen Nhơn thắng. Có ba phần:

- Xứ đáng kính.

Phục thứ, Tu Bồ-đề! Tùy thuyết thử kinh nãi chí tứ cú kệ đẳng, đương tri thử xứ nhất thiết thế gian Thiên Nhơn A Tu La giai ứng cúng dường như Phật tháp miếu.

Kinh Đại Bát-nhã nói: Thiên Đế chẳng ngồi trên tòa trong cung, chư thiên nếu đến, chỉ thấy tòa trống, vẫn đều tác lễ, cúng dường rồi đi.

“Tốt Đổ Ba”; tiếng Hán gọi là cao hiển.

“Tháp”: biên quốc phát âm sai, là miếu miếu, đặt hình mạo Phật ở trong Tháp.

- Người gặt hái ích lợi.

Hà hướng hữu nhơn tận năng thọ trì đọc tụng. Tu Bồ-đề! đương tri thị nhơn thành tựu tối thượng đệ nhất hy hữu chi pháp.

Phần trên nói: “Chỉ thọ trì bốn câu thôi thì đã hơn hẳn rồi”, hướng nừa là ở phần này “tận năng thọ trì” cả cuốn kinh! Cho nên là tối thượng đáng!

- Nơi có Phật.

Nhược thị kinh điển sở tại chi xứ tắc vi hữu Phật, Nhược Tôn Trọng Đệ Tử.

Kinh hiểu rõ rằng Như Lai pháp thân nương vào pháp thì có Báo thân và hóa thân. Lại nữa, tất cả Hiền Thánh nhờ vô vi mà đắc danh. Kinh hiểu rõ rằng vô vi ắt có hiền Thánh, đệ tử tôn quý.

+ Dựa theo nghĩa mà giải thích nói về tên kinh.

Nhĩ thời. Tu Bồ-đề bạch Phật ngôn: Thế Tôn! đương hà danh nhĩ thời, Tu Bồ-đề bạch Phật ngôn: Thế Tôn! đương hà danh thử kinh? Ngã đẳng vân hà phụng trì? Phật cáo Tu Bồ-đề: thị kinh danh vi Kim cang Bát-nhã Ba-La-Mật. Dĩ thị danh tự nhữ đương phụng trì, sở dĩ giả hà? Tu Bồ-đề! Phật thuyết Bát-nhã Ba-la-mật tắc phi Bát-nhã Ba-La-Mật.

Phật đặt tên kinh là dựa theo Năng Đoạn Hoặc. Vì Đoạn Hoặc cho nên là Thắng, (là đặc biệt, là hơn hẳn, là vượt trội...)

“Tắc phi Bát-nhã”; Ngài Vô trước nói: Vì để đối trị chấp dính như lời đã nói.

+ Phật không có thuyết khác.

Tu Bồ-đề! Ư ý vân hà, như lai hữu sở thuyết pháp bất? Tu Bồ-đề bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Lai vô sở thuyết.

“Vô sở thuyết”; là thuyết một cách không có thêm bớt, không có riêng khác, chỉ như chứng mà thuyết, đã như thế thuyết tức vô sở thuyết Tam thế Phật (Phật quá khứ, Phật hiện tại, Phật vị lai) đều vậy. Cho nên nói rằng là “Vô dị thuyết” (không có thuyết khác nhau). Cho nên luận nói: “Không có một pháp nào chỉ riêng một Như Lai thuyết, các Phật khác chẳng thuyết”. Ngài Vô Trước nói: Đệ nhất nghĩa thì chẳng nói ra.

+ Bồ thí phước kém (liệt), vi trần hơn (thắng).

Tu Bồ-đề! Ư ý vân hà. tam thiên đại thiên thế giới sở hữu vi trần, thị vi đa bất? Tu Bồ-đề ngôn: Thậm đa: Thế Tôn! Tu Bồ-đề! Chư vi trần, Như Lai thuyết phi vi trần, thị danh vi trần, Như Lai thuyết thế giới, phi thế giới, thị danh thế.

Luận nói: Phước đức của Bồ thí tiền bạc là Nhân của phiền não. Vì có thể thành tựu sự việc phiền não, bụi đất là vô ký, chẳng phải Nhân phiền não, cho nên bụi trần thắng hơn, bồ thí kém hơn. Đại Vân nói: Chư địa trần thì chẳng phải những phiền não như tham... là Vô Kỳ Đại trần, Như Lai nói Tam Thiên giới chẳng phải là Nhân nhiễm phiền não, giới là Danh Địa Trần, vô ký giới là Trần, Nhân trần chẳng sanh phiền não. Thí là Nhân phước, Nhân phước sanh phiền não.

+ Cảm quả ly tướng thẳng.

Tu Bồ-đề! Ư ý vân hà, khả dĩ tam thập nhị tướng kiến Như Lai

bất? Bất dã, Thế Tôn! Bất khả dĩ tam thập nhị tướng đắc kiến Như Lai. hà dĩ cố! Như lai thuyết tam thập nhị tướng, tức thị phi tướng, thị danh tam thập nhị tướng.

E người Bồ thí tài bảo nói rằng: Tôi bồ thí để tu cầu thành Phật ai nói là phiền não? Cho nên ở đây kinh nói: Có thể cho tướng là Phật hay không? Luận nói: Trì và thuyết pháp này có thể thành Bồ-đề, hơn hẳn phước kia. Vì sao? Vì tướng kia đối với Phật Bồ-đề chẳng phải là tướng pháp thân, phước của kinh có thể hàng phục ba mươi hai tướng phước đức Bồ Thí, Ý nói rằng phước của kinh hàng phục Bồ thí, đắc được thâm Phật sắc tướng. Nếu chỉ riêng Bồ thí tài bảo thì tức là nhân phiền não.

b. Dựa theo Nội tài so sánh gấp bội để hiểu tỏ kinh hơn hẳn. Có hai phần:

- So sánh hơn kém

Tu Bồ-đề! Nhược hữu thiện nam tử thiện nữ nơn dĩ hằng hà sa đẳng thân mệnh bồ thí, nhược phục hữu nơn, ư thủ kinh trong nãi chí thọ trì tứ cú kệ đẳng, vị tha nơn thuyết, kỳ phước thậm đa.

Xả thân thì hơn hẳn Bồ thí tài bảo, trì và thuyết lại còn hơn hẳn xả bỏ thân.

- Giải thích nguyên nhân thắng hơn. Có 5 phần:

+ Khóc than chưa được nghe pháp thâm sâu.

Nhĩ thời, Tu Bồ-đề văn tuyệt thị kinh, thâm giải nghĩa thú, thế lệ bi khắp, nhi bạch Phật ngôn: hy hữu! Thế Tôn! Phật thuyết như thị thậm thâm kinh diên, ngã tòng tích lai, sở đắc huệ nhân, vị tăng đắc văn như thị chi kinh.

Nổi khổ xả thân, đã cảm lòng người, hướng nữa còn nghe, chẳng bằng trì thuyết, do vậy buồn khóc. Luận nói: nghĩ thân kia khổ, vì tôn trọng pháp mà buồn khóc. Huệ Nhân thì Nơn không, chưa nghe pháp không.

+ Tịnh tâm khế với Thật, đủ Đức. Có hai phần:

• Chánh tỏ.

Thế Tôn! Nhược phục hữu nơn, đắc văn thị Kinh. Tín tâm thanh tịnh tức sanh thật tướng. Đương tri thị nơn thành tựu đệ nhất hy hữu công đức.

Luận nói: Trong đây có thật tướng, những giáo khác thì phi Thật tướng.

• Phật tích.

Thế Tôn! Thị thật tướng giả tức thị phi tướng, thị cố như lai thuyết danh thật tướng.

Ngài Vô Trước nói: Vì đề ly (lìa khỏi, rời khỏi) Tướng phân biệt về Thật tướng.

+ Tín giải ba không, đồng Phật thắng. Có ba phần:

- Nêu chung về Tín giải.

Thế Tôn! Ngã kim đắc văn như thị kinh điển, tín giải thọ trì bất túc vì nan, nhược đương lai thế, hậu ngũ bách tuế, kỳ hữu chuáng sanh, đắc văn thị kinh, tín giải thọ trì, thị hơn tấc vì đệ nhất hy hữu.

Ngài Vô trước nói: Vị lai, khi thời pháp diệt, còn có Bồ-tát thọ trì mà không có thủ Ngã, Nhơn... sao nay các ông đang ở thời chánh pháp mà lại xa lìa tu hành, chẳng snah hổ thẹn.

- Hiển riêng ba không.

Hà dĩ cố? Thử hơn vô ngã tướng, hơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng. Sở dĩ giả hà? Ngã tướng tức thị phi tướng, hơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, tức thị phi tướng. Hà dĩ cố? Ly nhất thiết chư tướng tức danh Chư Phật.

Ngài Vô Trước nói: “Vô Ngã...” là không có người thủ ngã,... “tức Phi tướng”, là không có pháp thủ. “Ly Nhất thiết”; hiển thị rằng chư Bồ-tát tùy thuận Học Tướng, chư Phật Thế Tôn ly tất cả tướng. Do vậy chúng ta nên Học như vậy.

- Như Lai ấn định.

Phật cáo Tu Bồ-đề: như thị! Như thị!

+ Khi nghe, bất động, hy hữu thắng.

Nhược phục hữu hơn đắc văn thị Kinh, bất kinh, bất bố, bất úy, đương tri thị hơn thân vì hy hữu.

Luận nói: “Kinh”; là phi xứ (xứ trái, xứ chẳng đúng, chỗ chẳng phải) sanh ra sợ. “Bố”; là vì chẳng thể đoạn dứt tâm nghi. “Úy” là một mực cứ “bố”, tâm kia rốt cuộc rơi vào kinh bố.

+ Đại Nhân thanh tịnh đệ nhất thắng.

Hà dĩ cố? Tu Bồ-đề! Như lai thuyết đệ nhất ba-la-mật phi đệ nhất Ba-La-Mật, thị danh đệ nhất Ba-La-Mật.

“Hà Dĩ Cố?” (vì cố sao?) có hai nghĩa: 1. Theo với “chẳng kinh, chẳng sợ...” trên mà hỏi; 2. Điều theo những “Hơn hẳn” ở phần trên để hỏi. Luận nói: pháp môn này gọi là Đại Nhân (Nhân lớn), vì hơn hẳn những kinh khác, cho nên gọi là Thanh tịnh, vô lượng chư Phật đồng thuyết. Do vậy Bồ thí trân bảo không bằng công đức này. Do vậy trong phước đức kia, phước này là hơn hẳn.

